

Số: 188/QĐ-ĐHCNTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên
Học kỳ 2, Năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Công nghệ Thông tin thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐTĐHCNTT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Thông tin về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghệ Thông tin;

Căn cứ Biên bản họp xét miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội, chính sách học bổng và hỗ trợ chi phí đồ dùng học tập cho sinh viên khuyết tật, hỗ trợ chi phí đồ dùng học tập cho sinh viên dân tộc thiểu số hộ nghèo/hộ cận nghèo, học kỳ 2 năm học 2024-2025 ngày 28 tháng 02 năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thực hiện miễn, giảm học phí học kỳ 2 năm học 2024-2025 cho 100 sinh viên có tên theo danh sách đính kèm.

Điều 2. Sinh viên được miễn, giảm học phí theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng Phòng Công tác Sinh viên, Phòng Kế hoạch Tài chính, các Phòng, Khoa có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Tấn Trần Minh Khang



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025
(Đính kèm theo Quyết định số 188/QĐ-ĐHCNTT ngày 03 tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin)

STT	MSSV	Họ tên	Lớp	Đối tượng	Tỷ lệ Miễn (giảm)
1	21520308	Lê Trung Kiên	MMTT2021	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN	50%
2	21520935	Phan Quốc Huy	MMTT2021	Con thương binh	100%
3	21521031	Lê Quốc Kiệt	CNTT2021	Con thương binh	100%
4	21521360	Trần Phước Anh Quốc	PMCL2021.1	Con thương binh	100%
5	21521776	Chu Văn Cường	KTPM2021	Sinh viên hệ cử tuyển	100%
6	21521778	Huỳnh Thanh Nguyên	KTMT2021	Sinh viên hệ cử tuyển	100%
7	21521779	Trương Văn Quốc	CNTT2021	Sinh viên hệ cử tuyển	100%
8	21521886	Nguyễn Thiện Bảo Châu	CTTT2021	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN	50%
9	21521894	Ma Văn Chương	CNTT2021	Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo	100%
10	21521896	Nguyễn Minh Công	HTCL2021	Sinh viên khuyết tật	100%
11	21521954	Hà Thị Hồng Diệu	TMĐT2021	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
12	21522003	Nguyễn Khánh Duy	CNTT2021	Con thương binh	100%
13	21522074	Lý Gia Hiếu	TMCL2021	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%

STT	MSSV	Họ tên	Lớp	Đối tượng	Tỉ lệ Miễn (giảm)
14	21522178	Son Men Kâl	CNTT2021	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
15	21522344	Nguyễn Quang Minh	CNCL2021.2	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN	50%
16	21522530	Hoàng Tất Quý	MMTT2021	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
17	21522536	Nguyễn Phan Trúc Quỳnh	CNCL2021.2	Con thương binh	100%
18	21522546	Thạch Sang	KTPM2021	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
19	21522548	Ma Seo Sầu	CNTT2021	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
20	21522559	Trương Hữu Trường Sơn	MTCL2021	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN	50%
21	22520005	Nguyễn Văn Thắng	HTTT2022.1	Sinh viên khuyết tật	100%
22	22520035	Võ Đức Phước An	KHNT2022	Con thương binh	100%
23	22520044	Gia Bảo Anh	KTPM2022.1	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
24	22520239	Trần Tiến Đạt	KTPM2022.1	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
25	22520318	Lương Văn Duy	KHMT2022.1	Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo	100%
26	22520373	Nguyễn Trần Mỹ Hà	HTTT2022.1	Con thương binh	100%
27	22520374	Phạm Thị Hà	TMDT2022.1	Sinh viên khuyết tật	100%
28	22520433	Hồ Công Hiếu	MMTT2022.1	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN	50%
29	22520507	Lê Nguyễn Hưng	KHMT2022.2	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN	50%

STT	MSSV	Họ tên	Lớp	Đối tượng	Tỷ lệ Miễn (giảm)
30	22520582	Trương Quang Huy	ATT2022.1	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
31	22520583	Trương Quốc Huy	CNTT2022.1	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
32	22520665	Bùi Minh Khoa	KHMT2022.2	Con thương binh	100%
33	22520760	Lê Hồ Thanh Linh	MTIO2022	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN	50%
34	22520919	Nguyễn Ngô Hải Nam	MMTT2022.2	Con thương binh	100%
35	22520924	Danh Nat	MTIO2022	Sinh viên cử tuyển	100%
36	22520948	Nguyễn Hiếu Nghĩa	TMDT2022.1	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
37	22520970	Lê Cao Nguyên	KHMT2022.3	Con thương binh	100%
38	22521012	Dương Vi Khắc Nhật	CNTT2022.2	Sinh viên cử tuyển	100%
39	22521052	Nguyễn Ngô Hoài Như	HTTT2022.2	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN	50%
40	22521057	Lăng Thị Cẩm Nhung	ATT2022.2	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
41	22521177	Hà Minh Quân	ATT2022.2	Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo	100%
42	22521256	Phạm Ngọc Sơn	MMTT2022.3	Con thương binh	100%
43	22521267	Dương Văn Súa	HTTT2022.2	Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo	100%
44	22521393	Tăng Thanh Thiện	KTPM2022.3	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
45	22521426	Nguyễn Ngọc Thoáng	CNTT2022.2	Sinh viên cử tuyển	100%
46	22521450	Alăng Minh Thuật	KTPM2022.3	Sinh viên cử tuyển	100%

STT	MSSV	Họ tên	Lớp	Đối tượng	Tỉ lệ Miễn (giảm)
47	22521590	Nguyễn Anh Tú	KTPM2022.3	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
48	22521615	Triệu Minh Tuấn	KTPM2022.3	Sinh viên là DTTS thuộc hộ nghèo/hộ cận nghèo	100%
49	22521641	Nguyễn Đăng Hương Uyên	CNTT2022.2	Con thương binh	100%
50	22521667	Hứa Xuân Vinh	CNTT2022.2	Sinh viên cử tuyển	100%
51	22521699	Hoa Phạm Chấn Vương	CNTT2022.2	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
52	22521712	Poloong Xim	CNTT2022.2	Sinh viên cử tuyển	100%
53	23520023	Nguyễn Xuân An	KHMT2023.1	Con thương binh	100%
54	23520080	Trần Thị Ngọc Anh	TMDT2023.1	Sinh viên khuyết tật	100%
55	23520217	Nguyễn Dương Đại	TMDT2023.1	Con thương binh	100%
56	23520254	Ngô Tiến Đạt	KTMT2023.1	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN	50%
57	23520287	Trần Ngọc Diễm	HTTT2023.1	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
58	23520294	Phùng Quốc Đoàn	CNTT2023.1	Sinh viên hệ cử tuyển	100%
59	23520356	Thái Bình Dương	HTTT2023.1	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN	50%
60	23520375	Nguyễn Hữu Khánh Duy	TTNT2023	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN	50%
61	23520417	Nguyễn Minh Hai	KHMT2023.1	Sinh viên khuyết tật	100%
62	23520463	Nguyễn Thị Thanh Hiền	HTTT2023.1	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN	50%
63	23520500	Phạm Kim Ngân Hmők	TMDT2023.1	Sinh viên hệ cử tuyển	100%
64	23520661	Tô Hữu Huỳnh	HTTT2023.1	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
65	23520710	Thiên Phúc Khang	CNTT2023.1	Sinh viên hệ cử tuyển	100%

STT	MSSV	Họ tên	Lớp	Đối tượng	Tỉ lệ Miễn (giảm)
66	23520874	Hán Dương Long	CNTT2023.1	Sinh viên hệ cử tuyển	100%
67	23520877	Lê Bảo Long	TTNT2023	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN	50%
68	23520966	Thạch Vía Sa Na	KTMT2023.2	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
69	23520992	Lê Ngọc Phương Nga	CNNB2023.2	Con thương binh	100%
70	23521131	Trần Thị Hoàng Nhung	CNNB2023.2	Con thương binh	100%
71	23521152	Đặng Dương Phi	TTNT2023	Sinh viên hệ cử tuyển	100%
72	23521189	Triệu Đại Phú	KTPM2023.2	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
73	23521234	Nguyễn Huy Phước	KHTN2023	Con thương binh	100%
74	23521332	Đỗ Như Quỳnh	KTPM2023.3	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
75	23521420	Đinh Phan Quốc Thắng	KTPM2023.3	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
76	23521475	Bùi Đức Thiện	MMTT2023.3	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN	50%
77	23521626	Lê Nữ Khánh Trang	KTPM2023.3	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN	50%
78	23521686	Phú Nữ Quốc Trung	CNTT2023.2	Sinh viên hệ cử tuyển	100%
79	23521737	Cao Đăng Tùng	KTMT2023.2	Con thương binh	100%
80	23521767	Siêm Phi Va	KTPM2023.3	Sinh viên hệ cử tuyển	100%
81	24520001	Lý Thế An	KTPM2024.1	Sinh viên khuyết tật	100%
82	24520049	Lê Huỳnh Thảo An	CNVN2024.1	Con thương binh	100%

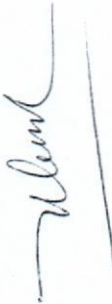
STT	MSSV	Họ tên	Lớp	Đối tượng	Tỉ lệ Miễn (giảm)
83	24520088	Chu Thị Minh Ánh	HTTT2024.1	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
84	24520318	Lý Phương Đức	CNTT2024.1	Sinh viên cử tuyển theo Quyết định số 05/QĐ-HĐTS ngày 19/8/2024	100%
85	24520456	Hà Văn Hào	CNTT2024.1	Sinh viên cử tuyển theo Quyết định số 05/QĐ-HĐTS ngày 19/8/2024	100%
86	24520485	Trần Thế Hiệp	MMTT2024.1	Con thương binh	100%
87	24520519	Vũ Thị Hiếu	KTPM2024.1	Sinh viên cử tuyển theo Quyết định số 05/QĐ-HĐTS ngày 19/8/2024	100%
88	24520624	Phan Thái Hưng	ATTT2024.2	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN	50%
89	24520769	Trần Huỳnh Gia Khang	HTTT2024.2	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
90	24520801	Trần Quốc Khánh	KTPM2024.2	Sinh viên khuyết tật	100%
91	24520869	Trần Lý Đình Khôi	KHMT2024.2	Sinh viên cử tuyển theo Quyết định số 05/QĐ-HĐTS ngày 19/8/2024	100%
92	24520983	Nguyễn Hữu Bảo Lộc	KHDL2024	Con thương binh	100%
93	24521092	Nguyễn Ái Mỹ	KTPM2024.2	Con thương binh	100%
94	24521103	Lê Bá Nam	MMTT2024.2	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN	50%
95	24521127	Liên Yến Ngân	HTTT2024.2	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%
96	24521238	Tô Công Hữu Nhân	KTPM2024.2	Sinh viên khuyết tật	100%
97	24521623	Nguyễn Công Thành	KTMT2024.3	Cha (mẹ) bị TNLĐ/TNNN	50%
98	24521725	Đoàn Nguyễn Minh Thư	KHMT2024.4	Con thương binh	100%
99	24522006	Đạo Văn Vín	ATTT2024.3	Sinh viên cử tuyển theo Quyết định số 05/QĐ-HĐTS ngày 19/8/2024	100%

STT	MSSV	Họ tên	Lớp	Đối tượng	Tỷ lệ Miễn (giảm)
100	24522049	Lý Văn Vượng	MTIC2024	Sinh viên là DTTS ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo	70%

Tổng số sinh viên được miễn, giảm học phí: 100 sinh viên./.

Người lập bảng KT.TRƯỞNG PHÒNG CTSV

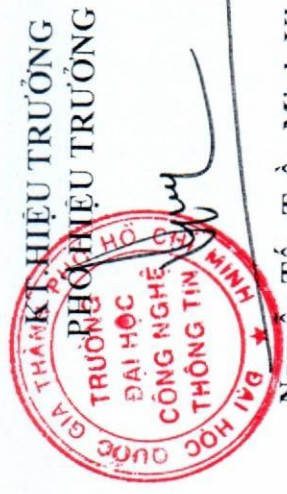
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Thị Tường Vi



Lê Thị Minh Phượng



Nguyễn Tấn Trần Minh Khang

